

Bản án số: **264/2024/DS-PT**
Ngày: **20/11/2024**
V/v "*Tranh chấp đòi lại tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đăng

Các Thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tín - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20/11/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **282/2024/TLPT-DS ngày 09/10 /2024**.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: **118/2024/DS-ST ngày 23/8/2024** của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: **345/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2024**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị X**, sinh năm: 1954

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Dương Thùy T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số E, khóm B, M, phường C, TP ., tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

- Ông **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1948.

- Bà **Văn Thị T1**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp T, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Đặng Song A**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp T, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08/4/2024, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Đặng Thị X trình bày:

Ngày 01/01/2000 bà có cho ông Nguyễn Thành N và bà Văn Thị T1 vay 10 chỉ vàng 24K, không có thỏa thuận lãi suất, không có viết biên nhận, ông N và bà T1 nhận vàng tại nhà bà, không thỏa thuận thời gian trả, bà có nói với ông N, bà T1 khi nào bà có nhu cầu thu hồi vàng thì bà thông báo cho ông N và bà T1 hay trước, đến khi bà có nhu cầu sử dụng thì bà đến nhà ông N yêu cầu ông N và bà T1 trả vàng cho bà nhưng ông N và bà T1 hẹn mà không trả cho bà. Đến năm 2021 bà yêu cầu ông N viết cho bà biên nhận vì bà sợ sau này bà già nên quên vì vậy ông N có viết cho bà biên nhận nợ, do chính ông N viết tại nhà ông N. Sau đó bà có nhiều lần đến nhà ông N và bà T1 trả vàng vay cho bà nhưng ông N và bà T1 không trả cho bà.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Thành N và bà Văn Thị T1 phải có nghĩa liên đới trả lại cho bà 1 (Mười) chỉ vàng 24K.

* **Tại bản khai ý kiến ngày 04/6/2024, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay bị đơn ông Nguyễn Thành N trình bày:** Ông thừa nhận biên nhận nợ ngày 01/01/2000 là do ông viết và ký tên nhưng ông không có mượn hay vay vàng của bà X số vàng 10 chỉ vàng 24K như bà X trình bày mà biên nhận ngày 01/01/2000 là do bà X đọc cho ông viết do em rể của ông là ông Đặng Song A là em ruột của bà X mượn vàng của bà X. Do bà X nói với ông là ông Song A có thiếu vàng của bà X nên bà X nhờ ông viết biên nhận nợ ngày 01/01/2000 để bà X đi đòi vàng của ông Song A, ông chỉ viết nhưng ông không biết nội dung của biên nhận là gì.

Ông không nhớ năm nào nhưng con của ông nhớ năm 1999, ông có làm ăn với ông Song A là làm thuê sáng cạp, ông bỏ vô 01 cây vàng 24K (là 10 chỉ vàng 24K) đưa cho ông Song A để hùn thuê sáng cạp, hai bên thỏa thuận mỗi một gào ông hưởng 500đ, ông bỏ vô 10 chỉ vàng 24K đưa cho ông Song A nhưng bà X nhận. Hai bên hùn làm ăn được vài tháng thì nghỉ. Khi thuê sà lan của ông Ba L (01 cây vàng 24K là thế chân để làm ăn) khi không còn hùn với ông Song A nữa thì ông Song A cũng không có trả vàng lại cho ông. Khi ông đưa vàng cho ông Song A thì không có ông Song A ở nhà nên ông giao vàng cho bà X rồi bà X đưa lại cho ông Song A. 10 chỉ vàng 24K này là vàng của gia đình ông không phải là vàng mượn của bà X. Trong vụ án này ông không có yêu cầu gì đối với ông Song A.

Việc bà X yêu cầu ông và bà T1 phải có nghĩa liên đới trả lại cho bà X 10 (Mười) chỉ vàng 24K thì ông không đồng ý vì ông không có mượn vàng của bà X.

*** Bị đơn bà Văn Thị T1 có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản khai ý kiến ngày 01/8/2024 bà T1 trình bày:** Bà T1 không có vay mượn của bà X nên nay bà T1 không có trách nhiệm trả cho bà X.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Song A có đơn xin vắng mặt nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 22/7/2024, ông Đặng Song A trình bày:** Ông là em ruột của bà X và là em rể của ông N. Việc bà X cho ông N mượn vàng thì ông không biết, sau này thì ông mới biết, do năm 2000 ông với ông N có hợp tác với ông L là mức đất dưới sông (hình thức gia công, ai thuê thì làm) mỗi gào đất ông hưởng 2.000đ, ông L hưởng 6.000đ, do ông L có chiếc sà lan, 01 chiếc của ông C, 01 chiếc của ông V nên một mình ông làm không kịp vì thế ông N thấy ông làm ăn được nên ông N xin ông cho con của ông N theo thì ông đồng ý nhưng hai bên thỏa thuận là ông N phải đưa 5.000.000đ cho chủ sà lan sau đó con ông N theo quản lý, hình thức 1.000đ/gào. Số tiền 5.000.000đ ông N đưa cho ông L thì ông chỉ nghe nói, con ông N làm quản lý cuối tháng quyết toán với ông L rồi chia tiền cho ông chứ ông không có biết gì.

Việc ông N và bà Thới M vàng của bà X thì ông không có liên quan vì ông không có mượn vàng của bà X, ngoài ra ông N có thỏa thuận với ông L là ông N muốn làm ăn thì phải bỏ ra 5.000.000đ để thế chân khi nào ông N nghỉ thì ông L trả tiền lại cho ông N do ông L rút sà lan về nên ông L đưa 5.000.000đ cho tài xế của ông L tên là N1 để đưa lại cho con ông N nhưng thời điểm đó con ông N (tên V1) không có mặt tại đó nên ông L kéo sà lan đi nên ông N không đòi tiền của ông L được, bẻ ra thì ông N nói với ông là mượn tiền của bà X nên ông mới biết.

Việc ông N mượn vàng của bà X thì không có liên quan gì đến ông, ông không có ý kiến gì.

Tại bản án **dân sự sơ thẩm** số 118/2024/DS-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị X.

Buộc ông Nguyễn Thành N và bà Văn Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Đặng Thị X 10 (Mười) chỉ vàng 24K.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn xử lý về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, bị đơn ông Nguyễn Thành N có đơn kháng cáo với nội dung:

Kháng cáo đối với bản án **dân sự sơ thẩm** số 118/2024/DS-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị X, ông không đồng ý trả cho bà X 10 chỉ vàng 24K.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông N trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả cho bà X 10 chỉ vàng 24K.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông N.

Ông Song A trình bày: Ông không có vay vàng của bà X, việc bà X cho ông N vay vàng ông không biết, sau này mới nghe nói lại bà X cho ông N vay 10 chỉ vàng chưa trả, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung:

Kiểm sát viên phân tích nội dung, chứng cứ và đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành N, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành N còn trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2. Về nội dung:

Vào ngày 01/01/2000 bà X cho ông N và bà T1 vay vàng có biên nhận. Nguyên đơn cho rằng nguyên đơn cho bị đơn vay 10 chỉ vàng 24K, bị đơn ông N trình bày biên nhận nợ ngày 01/01/2000 là do ông N viết và ký tên nhưng ông N

không có mượn vàng của bà X, do ông Song A có thiếu vàng của bà X nên nhờ ông N viết biên nhận nợ ngày 01/01/2000 để bà X đi đòi vàng của ông Song A, ông chỉ viết nhưng không biết nội dung của biên nhận nợ là gì. Ông Song A trình bày ông Song A không có mượn vàng của bà X và việc vay mượn vàng của ông N và bà X không liên quan đến ông.

Xét kháng cáo của ông N là không có căn cứ bởi lẽ theo biên nhận ngày 01/01/2000 do ông N thừa nhận tự viết và ký tên với nội dung “Nguyễn Thành N, sinh năm 1948 và vợ Văn Thị T1, sinh năm 1953, hôm nay ngày 01/01/2000 có hỏi của cô Đặng Thị X 01 cây vàng 24K”, ông N viết là do ông Song A thiếu vàng của bà X. Ông Song A trình bày việc vay mượn vàng của ông N và bà X ông không có liên quan và ông không có vay vàng của bà X. Ông N thừa nhận biên nhận là do ông viết và ký tên, ông không có vay vàng của bà X, ngoài lời trình bày ông N không có chứng cứ gì để chứng minh thể hiện biên nhận nợ ngày 01/01/2000, cấp sơ thẩm xử buộc ông N, bà T1 trả 10 chỉ vàng 24K cho bà X là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành N và chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, y án sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Do ông N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N, y án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị X.

Buộc ông Nguyễn Thành N và bà Văn Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Đặng Thị X 10 (Mười) chỉ vàng 24K.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho ông Nguyễn Thành N.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao 01;
- VKSND Cấp cao 01;
- VKSNDTVL 01;
- TAND huyện VL 01;
- THADS huyện VL 01;
- Các ĐS 07;
- HCTP 01;
- KTNV&THA 01;
- Lưu hồ sơ vụ án 03.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng